



Điều khoản Sản phẩm

Phát Lộc Hưng Gia

Giải pháp Bảo vệ - Tiết kiệm - Đầu Tư toàn diện

ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG ĐÓNG PHÍ ĐỊNH KỲ

*(được chấp thuận theo công văn số 16727/BTC-QLBH
ngày 17 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
CHƯƠNG II: QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	6
CHƯƠNG III: QUỸ LIÊN KẾT CHUNG, GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG VÀ LÃI SUẤT CAM KẾT TỐI THIỂU	8
CHƯƠNG IV: PHÍ BẢO HIỂM, CÁC LOẠI PHÍ	9
CHƯƠNG V: THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG	11
CHƯƠNG VI: CHẤM DỨT VÀ KHÔI PHỤC HỢP ĐỒNG	13
CHƯƠNG VII: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	13
CHƯƠNG VIII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	15

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA

1.1. Aviva: là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Aviva Việt Nam, Giấy phép thành lập và hoạt động số 64 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 29 tháng 7 năm 2011, có trụ sở tại tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội.

1.2. Hợp đồng (Hợp đồng bảo hiểm): là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên mua bảo hiểm và Aviva, theo đó Bên mua bảo hiểm sẽ đóng phí bảo hiểm và Aviva sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Điều 6.

Hợp đồng bảo hiểm bao gồm Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, Điều khoản Hợp đồng bảo hiểm và Phụ lục Hợp đồng bảo hiểm. Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm bao gồm Giấy yêu cầu bảo hiểm và bất kỳ tài liệu, bằng chứng nào được cung cấp cho Aviva liên quan tới yêu cầu bảo hiểm. Phụ lục Hợp đồng bảo hiểm bao gồm: Giấy chứng nhận Bảo hiểm nhân thọ, tài liệu minh họa bán hàng và các giấy tờ hợp lệ khác phát sinh trong quá trình giao kết và thực hiện Hợp đồng bảo hiểm.

1.3. Giấy yêu cầu bảo hiểm: là văn bản yêu cầu bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm theo mẫu do Aviva phát hành.

1.4. Sản phẩm bổ trợ: là sản phẩm bảo hiểm bổ sung kèm theo Hợp đồng này mà Aviva cung cấp để bảo hiểm cho Người được bảo hiểm của sản phẩm bổ trợ. Khi được cung cấp kèm theo Hợp đồng này, sản phẩm bổ trợ sẽ là một bộ phận của Hợp đồng, phần Hợp đồng Bảo hiểm Liên kết chung sẽ là Hợp đồng chính hoặc sản phẩm bảo hiểm chính.

1.5. Bên mua bảo hiểm:

- Là cá nhân hiện đang cư trú tại Việt Nam, tuổi từ đủ 18 trở lên vào ngày có hiệu lực của Hợp đồng và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hoặc

- Là tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Bên mua bảo hiểm phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm và có trách nhiệm kê khai, ký tên trên Giấy yêu cầu bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.

1.6. Người được bảo hiểm: là cá nhân từ đủ 06 tháng tuổi đến 70 tuổi vào ngày có hiệu lực của Hợp đồng và không quá 80 tuổi khi Hợp đồng đáo hạn, hiện đang cư trú tại Việt Nam và được Aviva chấp nhận bảo hiểm theo Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm này.

1.7. Người thụ hưởng: là cá nhân hoặc tổ chức do Bên mua bảo hiểm chỉ định với sự đồng ý của Người được bảo hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi) để nhận quyền lợi bảo hiểm theo Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm này.

1.8. Tuổi của Người được bảo hiểm: là tuổi tính theo ngày sinh nhật gần nhất đã qua so với ngày có hiệu lực của Hợp đồng. Tuổi của Người được bảo hiểm chỉ thay đổi tại Ngày kỷ niệm hợp đồng và là cơ sở để Aviva xem xét chấp nhận bảo hiểm, xác định phí bảo hiểm, quyền lợi bảo hiểm và áp dụng các quy định liên quan tại Hợp đồng.

1.9. Số tiền bảo hiểm: là số tiền được dùng làm cơ sở để xác định quyền lợi bảo hiểm thanh toán theo Điều khoản này. Số tiền bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm lựa chọn phù hợp với quy định của Aviva và được ghi tại Giấy yêu cầu bảo hiểm và/hoặc Phụ lục Hợp đồng.

1.10. Phí bảo hiểm tạm tính: là khoản phí bảo hiểm Bên mua bảo hiểm nộp cùng với Giấy yêu cầu bảo hiểm.

1.11. Ngày kỷ niệm hợp đồng: là ngày tương ứng hàng năm của ngày có hiệu lực của Hợp đồng trong thời hạn bảo hiểm.

1.12. Ngày kỷ niệm hợp đồng hàng tháng: là ngày tương ứng hàng tháng của ngày có hiệu lực của Hợp đồng trong thời hạn bảo hiểm hoặc ngày cuối cùng của tháng trong trường hợp tháng đó không có ngày tương ứng.

1.13. Năm hợp đồng: là khoảng thời gian một năm dương lịch kể từ ngày có hiệu lực của Hợp đồng hay bất kỳ năm liên tục tiếp theo nào tính từ Ngày kỷ niệm hợp đồng gần nhất cho đến Ngày kỷ niệm hợp đồng tiếp theo.

1.14. Tai nạn: là một sự kiện hoặc một chuỗi sự kiện không bị gián đoạn gây ra do sự tác động bất ngờ của bất kỳ vật chất hoặc lực từ bên ngoài, không chủ định và ngoài ý muốn của Người được bảo hiểm lên cơ thể Người được bảo hiểm và gây ra thương tật hoặc tử vong, loại trừ bất cứ quá trình nào xảy ra do bệnh tật, tuổi tác hay sự thoái hoá. Sự kiện hoặc chuỗi sự kiện nêu trên phải là nguyên nhân trực tiếp và duy nhất gây ra thương tật hoặc tử vong cho Người được bảo hiểm.

1.15. Tai nạn giao thông công cộng: là tai nạn xảy ra đối với Người được bảo hiểm khi đang là hành khách có mua vé hoặc trả phí trên các phương tiện giao thông công cộng của các đơn vị vận tải hành khách được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

Phương tiện giao thông công cộng gồm: xe buýt, ô tô chở khách tuyến cố định, tàu bay chở khách, tàu hỏa chở khách (gồm cả phương tiện đường sắt đô thị), tàu thủy chở khách, phà chở khách.

1.16. Tai nạn thông thường: là tai nạn xảy ra đối với Người được bảo hiểm nhưng không phải là tai nạn giao thông công cộng.

1.17. Bệnh có sẵn: là tình trạng bệnh, thương tật, tổn thương mà Người được bảo hiểm đã hoặc đang được Bác sĩ tư vấn, chẩn đoán, điều trị hoặc các dấu hiệu, triệu chứng bệnh đã xuất hiện hoặc tồn tại trước ngày được Aviva chấp nhận bảo hiểm hoặc chấp nhận khôi phục hiệu lực Hợp đồng lần sau cùng, tùy thuộc ngày nào xảy ra sau.

1.18. Quỹ liên kết chung: là quỹ do Aviva thành lập và được hình thành từ phí bảo hiểm của các Hợp đồng bảo hiểm Liên kết chung.

1.19. Phí bảo hiểm cơ bản: là phí bảo hiểm của Hợp đồng chính do Bên mua bảo hiểm lựa chọn và cam kết đóng trong mỗi Năm hợp đồng và được Aviva chấp thuận. Phí bảo hiểm cơ bản được ghi trong Giấy yêu cầu bảo hiểm và/hoặc Phụ lục Hợp đồng và không thay đổi trong suốt thời hạn Hợp đồng.

1.20. Phí bảo hiểm đóng thêm: là khoản phí bảo hiểm của Hợp đồng chính do Bên mua bảo hiểm đóng sau khi Phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm định kỳ của các sản phẩm bổ trợ (nếu có) đã được đóng đầy đủ cho Năm hợp đồng hiện tại.

1.21. Phí bảo hiểm định kỳ: là Phí bảo hiểm cơ bản được chia đóng theo định kỳ.

1.22. Phí bảo hiểm phân bổ: là phần còn lại của Phí bảo hiểm định kỳ, Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu và được đầu tư vào Quỹ liên kết chung.

1.23. Giá trị Tài khoản Hợp đồng: là tổng số phí bảo hiểm phân bổ và lãi tích lũy trừ đi các khoản phí và chi phí phát sinh, các khoản rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng và Phí rút tiền. Lãi tích lũy được tính theo Lãi suất tích lũy.

Giá trị Tài khoản Hợp đồng có thể được điều chỉnh tăng theo quy định tại Khoản 9.3 Điều 9.

1.24. Lãi suất tích lũy: là lãi suất được xác định từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung sau khi trừ đi Phí quản lý Quỹ liên kết chung. Lãi suất tích lũy được Aviva công bố hàng tháng, được áp dụng từ đầu tháng và sẽ không thấp hơn Lãi suất cam kết tối thiểu theo quy định tại Điều 10.

1.25. Giá trị hoàn lại: là số tiền Bên mua bảo hiểm được nhận khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn hoặc khi Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn theo các quy định trong Điều khoản này.

Giá trị hoàn lại bằng Giá trị tài khoản hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng. Khi Giá trị Tài khoản Hợp đồng nhỏ hơn Phí chấm dứt Hợp đồng, Giá trị hoàn lại được xác định bằng 0 (không).

1.26. Khoản nợ: là tổng các khoản tạm ứng từ Giá trị hoàn lại và Khoản giảm thu nhập đầu tư và bất kỳ khoản tiền khác mà Bên mua bảo hiểm còn nợ Aviva (nếu có).

Aviva có quyền khấu trừ Khoản nợ vào bất kỳ số tiền nào mà Aviva phải trả theo Hợp đồng này.

1.27. Khoản giảm thu nhập đầu tư: là số tiền thu nhập từ hoạt động đầu tư bị giảm do tạm ứng từ Giá trị hoàn lại và được tính bằng tỉ lệ phần trăm (%) của số tiền tạm ứng từ Giá trị hoàn lại.

1.28. Khoản khấu trừ hàng tháng: là khoản tiền được khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng vào ngày phát hành Hợp đồng và Ngày kỷ niệm hợp đồng hàng tháng, bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý Hợp đồng.

ĐIỀU 2. THỦ TỤC YÊU CẦU BẢO HIỂM VÀ BẢO HIỂM TẠM THỜI

2.1. Thủ tục yêu cầu bảo hiểm

Khi yêu cầu bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm hoàn tất, nộp Giấy yêu cầu bảo hiểm và đóng Phí bảo hiểm tạm tính của Hợp đồng.

Nếu Người được bảo hiểm không đồng thời là Bên mua bảo hiểm, Giấy yêu cầu bảo hiểm phải có chữ ký của cả Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi).

2.2. Bảo hiểm tạm thời

2.2.1. Thời gian bảo hiểm tạm thời bắt đầu từ khi Bên mua bảo hiểm hoàn tất, nộp Giấy yêu cầu bảo hiểm và đóng đầy đủ Phí bảo hiểm tạm tính. Bảo hiểm tạm thời sẽ kết thúc theo quy định tại Điểm 2.2.4. Nếu Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn xảy ra trong thời gian bảo hiểm tạm thời, bất kể Người được bảo hiểm có bao nhiêu Giấy yêu cầu bảo hiểm đang được Aviva xem xét, Aviva sẽ thanh toán số tiền lớn hơn giữa:

a) Tổng Số tiền bảo hiểm theo tất cả các Giấy yêu cầu bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm chính cho Người được bảo hiểm đang được xem xét chấp nhận bảo hiểm nhưng không quá 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; và

b) Tổng Phí bảo hiểm tạm tính đã đóng (không có lãi) theo tất cả các Giấy yêu cầu bảo hiểm cho Người được bảo hiểm đang được xem xét chấp nhận bảo hiểm.

2.2.2. Trường hợp Người được bảo hiểm tử vong thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nêu tại Điều 7 xảy ra trong thời gian bảo hiểm tạm thời, Aviva sẽ hoàn lại số Phí bảo hiểm tạm tính đã đóng (không có lãi) trừ đi Chi phí kiểm tra sức khỏe (nếu có).

2.2.3. Số tiền nêu tại Điểm 2.2.1 hoặc Điểm 2.2.2 được thanh toán cho Bên mua bảo hiểm trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không đồng thời là Người được bảo hiểm hoặc cho Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm trong trường hợp Bên mua bảo hiểm đồng thời là Người được bảo hiểm.

2.2.4. Bảo hiểm tạm thời sẽ chấm dứt tại thời điểm xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây:

a) Aviva phát hành Giấy chứng nhận Bảo hiểm nhân thọ;

b) Aviva phát hành Thông báo từ chối bảo hiểm hoặc Thông báo tạm hoãn bảo hiểm;

c) Xảy ra các sự kiện nêu tại Điểm 2.2.1 và Điểm 2.2.2;

d) Aviva nhận được văn bản đề nghị huỷ bỏ yêu cầu bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm. Trong trường hợp này, Aviva sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm số Phí bảo hiểm tạm tính đã đóng (không có lãi) trừ đi Chi phí kiểm tra sức khỏe (nếu có);

e) Kết thúc thời hạn 30 ngày kể từ ngày Phí bảo hiểm tạm tính của Hợp đồng bảo hiểm được đóng, trừ khi Aviva thông báo với Bên mua bảo hiểm bằng văn bản về việc gia hạn thời gian bảo hiểm tạm thời.

2.3. Trường hợp Aviva không chấp nhận bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm sẽ được hoàn lại số Phí bảo hiểm tạm tính đã đóng (không có lãi).

ĐIỀU 3. NGÀY CÓ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG, THỜI HẠN VÀ TÍNH CHẤT CỦA HỢP ĐỒNG

3.1. Với điều kiện Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm còn sống vào thời điểm Aviva chấp nhận bảo hiểm, ngày có hiệu lực của Hợp đồng là ngày Bên mua bảo hiểm hoàn tất Giấy yêu cầu bảo hiểm và đóng đầy đủ Phí bảo hiểm tạm tính của Hợp đồng.

3.2. Thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm là từ 05 năm đến 20 năm tùy theo sự lựa chọn của Bên mua bảo hiểm và chấp thuận của Aviva, tính từ ngày có hiệu lực của Hợp đồng. Ngày đáo hạn Hợp đồng là ngày liền sau ngày kết thúc thời hạn Hợp đồng. Thời hạn bảo hiểm bằng thời hạn Hợp đồng và được ghi trong Giấy yêu cầu bảo hiểm và Giấy chứng nhận Bảo hiểm nhân thọ.

3.3. Hợp đồng bảo hiểm này là hợp đồng bảo hiểm nhân thọ không tham gia chia lãi.

ĐIỀU 4. NGHĨA VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN

4.1. Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi) có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và trung thực tất cả những thông tin

tin có liên quan đến Người được bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của Aviva đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm về những thông tin đã cung cấp, bao gồm cả các thông tin về tuổi, giới tính và bệnh có sẵn. Việc Aviva tiến hành kiểm tra sức khỏe của Người được bảo hiểm (nếu có) không thay thế cho nghĩa vụ này.

4.2. Nếu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi) vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 4.1, tùy thuộc vào quyết định của mình, Aviva có quyền xác định lại Phí bảo hiểm rủi ro hoặc coi yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng là vô hiệu theo quy định của pháp luật hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm này. Trong trường hợp chấm dứt thực hiện Hợp đồng, Aviva sẽ trả cho Bên mua bảo hiểm tổng phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi) sau khi trừ đi Chi phí kiểm tra sức khỏe, các chi phí liên quan tới việc phát hành và duy trì hiệu lực Hợp đồng; tất cả các khoản rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng, Phí rút tiền và Khoản nợ (nếu có).

Vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin được hiểu là việc cung cấp, kê khai không đầy đủ, không chính xác, không trung thực hoặc che giấu các thông tin quan trọng mà nếu biết được các thông tin này Aviva đã không chấp nhận bảo hiểm, không chấp nhận khôi phục hiệu lực Hợp đồng hoặc chấp nhận bảo hiểm, chấp nhận khôi phục hiệu lực Hợp đồng nhưng phải kèm theo các điều kiện bổ sung theo quy định của Aviva.

4.3. Aviva có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và trung thực tất cả các thông tin có liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm có quyền chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm và Aviva phải bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có) cho Bên mua bảo hiểm do việc Aviva cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết Hợp đồng.

4.4. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc Năm hợp đồng, Aviva sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm thông tin về tình trạng của Hợp đồng, bao gồm cả Giá trị Tài khoản Hợp đồng và kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung.

ĐIỀU 5. MIỄN TRUY XÉT

Khi Người được bảo hiểm còn sống, các nội dung kê khai không chính xác hoặc bỏ sót trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và các giấy tờ có liên quan sẽ được miễn truy xét sau 24 tháng kể từ ngày có hiệu lực của Hợp đồng hoặc kể từ ngày Hợp đồng được khôi phục hiệu lực lần sau cùng, tùy thuộc ngày nào xảy ra sau. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin nêu tại Khoản 4.2 Điều 4.

CHƯƠNG II: QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

ĐIỀU 6. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

6.1. Quyền lợi đáo hạn

Aviva trả toàn bộ Giá trị Tài khoản Hợp đồng khi Người được bảo hiểm sống đến ngày đáo hạn Hợp đồng.

6.2. Quyền lợi bảo hiểm tử vong

6.2.1. Bên mua bảo hiểm có quyền lựa chọn một trong hai quyền lợi bảo hiểm tử vong như sau:

- Quyền lợi cơ bản: bằng giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm và Giá trị Tài khoản Hợp đồng tính tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong.

- Quyền lợi nâng cao: bằng Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị Tài khoản Hợp đồng tính tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong.

6.2.2. Nếu Người được bảo hiểm từ 66 tuổi trở lên, Bên mua bảo hiểm chỉ được tham gia quyền lợi bảo hiểm tử vong là Quyền lợi cơ bản. Trường hợp quyền lợi bảo hiểm tử vong là Quyền lợi nâng cao, quyền lợi bảo hiểm tử vong sẽ tự động chuyển thành Quyền lợi cơ bản kể từ ngày Người được bảo hiểm đạt 66 tuổi.

6.2.3. Aviva trả quyền lợi bảo hiểm tử vong trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong khi Hợp đồng đang có hiệu lực.

6.2.4. Riêng với trường hợp Người được bảo hiểm là trẻ em, giới hạn Số tiền bảo hiểm nêu tại bảng dưới đây sẽ được sử dụng thay thế cho Số tiền bảo hiểm khi xác định quyền lợi bảo hiểm tử vong:

Tuổi của Người được bảo hiểm khi tử vong	Giới hạn Số tiền bảo hiểm
0	20% Số tiền bảo hiểm
1	40% Số tiền bảo hiểm
2	60% Số tiền bảo hiểm
3	80% Số tiền bảo hiểm
Từ 4 tuổi trở lên	100% Số tiền bảo hiểm

6.3. Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn

6.3.1. Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn thông thường

Ngoài quyền lợi bảo hiểm tử vong nêu tại Khoản 6.2, tùy thuộc vào tuổi của Người được bảo hiểm khi tử vong, Aviva sẽ trả thêm số tiền nêu tại bảng dưới đây nhưng không quá 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng trong trường hợp Người được bảo hiểm bị tử vong do tai nạn thông thường khi Hợp đồng đang có hiệu lực:

Tuổi của Người được bảo hiểm khi tử vong	Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn thông thường
0	20% Số tiền bảo hiểm
1	40% Số tiền bảo hiểm
2	60% Số tiền bảo hiểm
3	80% Số tiền bảo hiểm
Từ 4 tuổi trở lên	100% Số tiền bảo hiểm

6.3.2. Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn giao thông công cộng

Ngoài quyền lợi bảo hiểm tử vong nêu tại Khoản 6.2, tùy thuộc vào tuổi của Người được bảo hiểm khi tử vong, Aviva sẽ trả thêm số tiền nêu tại bảng dưới đây nhưng không quá 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng trong trường hợp Người được bảo hiểm bị tử vong do tai nạn giao thông công cộng khi Hợp đồng đang có hiệu lực:

Tuổi của Người được bảo hiểm khi tử vong	Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn giao thông công cộng
0	40% Số tiền bảo hiểm
1	80% Số tiền bảo hiểm
2	120% Số tiền bảo hiểm
3	160% Số tiền bảo hiểm
Từ 4 tuổi trở lên	200% Số tiền bảo hiểm

6.4. Hợp đồng chấm dứt hiệu lực ngay sau khi xảy ra sự kiện bảo hiểm quy định tại Khoản 6.1, Khoản 6.2 hoặc Khoản 6.3.

ĐIỀU 7. LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

7.1. Aviva sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Khoản 6.2 và Khoản 6.3 Điều 6 mà sẽ trả cho Bên mua bảo hiểm giá trị lớn hơn giữa:

- Tổng số phí bảo hiểm đã đóng của Hợp đồng chính (không có lãi) trừ đi các khoản rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng và Phí rút tiền, Khoản nợ và Chi phí kiểm tra sức khỏe (nếu có); và

- Giá trị hoàn lại tính tại thời điểm Hợp đồng chấm dứt trừ đi Khoản nợ (nếu có).

đồng thời Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực nếu Người được bảo hiểm tử vong do hậu quả, toàn bộ hoặc một phần, trực tiếp hoặc gián tiếp của hoặc trong các trường hợp:

7.1.1. Hành vi cố ý, hành vi phạm tội của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm, Người thụ hưởng.

7.1.2. Người được bảo hiểm tự tử trong vòng 24 tháng kể từ ngày có hiệu lực của Hợp đồng hoặc ngày Hợp đồng được khôi phục hiệu lực, tùy thuộc ngày nào xảy ra sau;

7.1.3. Nhiễm HIV hoặc các bệnh có liên quan đến HIV/AIDS;

7.1.4. Chiến tranh (có tuyên bố hay không tuyên bố), khủng bố, nội chiến, nổi loạn, bạo động, bạo loạn dân sự, khởi nghĩa và các hành động thù địch hoặc mang tính chiến tranh, bãi công, đình công;

7.1.5. Người được bảo hiểm sử dụng trái phép vũ khí quân dụng; sử dụng rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích khác vượt mức quy định của pháp luật;

7.1.6. Người được bảo hiểm tham gia: các hoạt động hàng không (trừ khi với tư cách là hành khách mua vé của một hãng hàng không được cấp phép và có lịch trình bày thương mại); các cuộc diễn tập, huấn luyện quân sự của các lực lượng vũ trang; các hoạt động nguy hiểm: đua ô tô/mô tô/xe đạp, đua ngựa hay bất kỳ hình thức đua nào khác, săn bắn, đấm bốc (boxing), leo núi; các hoạt động thể thao chuyên nghiệp, các môn thể thao trên không (nhảy bungy - bungee jumping, dù lượn, khí cầu, nhảy dù,...), lặn hoặc các hoạt động dưới nước có sử dụng mặt nạ thở;

7.1.7. Bệnh có sẵn, trừ khi đã được kê khai đầy đủ, trung thực và được Aviva chấp nhận bảo hiểm hoặc chấp nhận khôi phục hiệu lực Hợp đồng lần sau cùng, tùy thuộc ngày nào xảy ra sau hoặc trừ khi là những bệnh có sẵn không ảnh hưởng tới quyết định chấp nhận bảo hiểm hoặc chấp nhận khôi phục hiệu lực Hợp đồng của Aviva;

7.1.8. Thực hiện các phẫu thuật, khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế không được thành lập và hoạt động hợp pháp theo luật pháp Việt Nam hoặc không được phép thực hiện các phẫu thuật, khám chữa bệnh đó; thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ; thực hiện các phẫu thuật, khám chữa bệnh không thực sự cần thiết và không được chỉ định bởi bác sĩ chuyên khoa để duy trì và khắc phục tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm.

7.2. Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn nêu tại Khoản 6.3 Điều 6 cũng không được chi trả nếu Người được bảo hiểm tử vong do hậu quả, toàn bộ hoặc một phần, trực tiếp hoặc gián tiếp do hoặc trong các trường hợp: vũ khí chiến tranh phát nổ (kể cả vũ khí của những cuộc chiến tranh trước); mang thai, sảy thai, nạo phá thai.

CHƯƠNG III: QUỸ LIÊN KẾT CHUNG, GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG VÀ LÃI SUẤT CAM KẾT TỐI THIỂU

ĐIỀU 8. QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

8.1. Quỹ liên kết chung được đầu tư và quản lý độc lập với quỹ chủ sở hữu và các quỹ chủ Hợp đồng khác của Aviva, phù hợp với các quy định của pháp luật.

8.2. Quỹ liên kết chung thực hiện chiến lược đầu tư theo định hướng an toàn, theo đó, tài sản của quỹ được ưu tiên đầu tư vào các công cụ sinh lời ổn định.

8.3. Chiến lược, chính sách, mục tiêu đầu tư và cơ cấu tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung sẽ được thường xuyên cập nhật trên Trang thông tin điện tử (website) của Aviva.

ĐIỀU 9. GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

9.1. Giá trị Tài khoản Hợp đồng tại ngày có hiệu lực của Hợp đồng bằng:

- Phí bảo hiểm định kỳ cộng Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có).

Trừ đi:

- Phí ban đầu; và
- Khoản khấu trừ hàng tháng.

9.2. Giá trị Tài khoản Hợp đồng tại Ngày kỷ niệm hợp đồng hàng tháng bằng:

Tổng của:

- Giá trị Tài khoản Hợp đồng tại Ngày kỷ niệm hợp đồng hàng tháng liền trước; và
- Phí bảo hiểm phân bổ; và
- Lãi tích lũy tính từ Ngày kỷ niệm hợp đồng hàng tháng liền trước theo Lãi suất tích lũy.

Trừ đi:

- Khoản khấu trừ hàng tháng; và
- Khoản rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng và Phí rút tiền (nếu có) từ Ngày kỷ niệm hợp đồng hàng tháng liền trước.

9.3. Điều chỉnh Giá trị Tài Khoản Hợp đồng

- Sau khi kết thúc năm tài chính, nếu Aviva nhận thấy Lãi suất tích lũy thấp hơn lãi suất thực tế đạt được do kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ liên kết chung tốt hơn dự kiến, Aviva sẽ tính toán chi trả phần lãi tích lũy chênh lệch vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng với điều kiện

Hợp đồng phải đang có hiệu lực tại thời điểm Aviva công bố và thực hiện chi trả.

- Sau khi kết thúc năm tài chính, nếu Aviva nhận thấy Lãi suất tích lũy cao hơn lãi suất thực tế đạt được do kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ liên kết chung thấp hơn dự kiến, Giá trị Tài khoản Hợp đồng vẫn được giữ nguyên theo mức Lãi suất tích lũy đã áp dụng.

ĐIỀU 10. LÃI SUẤT CAM KẾT TỐI THIỂU

10.1. Lãi suất cam kết tối thiểu của Hợp đồng là 4% trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên và 3% trong các Năm hợp đồng tiếp theo.

10.2. Aviva cam kết rằng Lãi suất tích lũy sẽ không thấp hơn Lãi suất cam kết tối thiểu tại bất kỳ thời điểm nào khi Hợp đồng đang có hiệu lực.

CHƯƠNG IV: PHÍ BẢO HIỂM, CÁC LOẠI PHÍ

ĐIỀU 11. QUY ĐỊNH VỀ ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM, PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

11.1. Phí bảo hiểm cơ bản không được thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Aviva tại thời điểm yêu cầu bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn đóng Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm, 06 tháng, quý hoặc tháng.

Thời hạn đóng phí, Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm định kỳ, định kỳ đóng phí được ghi tại Phụ lục Hợp đồng.

Bên mua bảo hiểm có thể ủy quyền cho người khác đóng phí bảo hiểm.

11.2. Thời hạn đóng phí bảo hiểm bằng thời hạn bảo hiểm.

11.3. Trong 05 (năm) Năm hợp đồng đầu tiên, Bên mua bảo hiểm phải đóng đầy đủ Phí bảo hiểm định kỳ để duy trì hiệu lực Hợp đồng chính. Trong các Năm hợp đồng tiếp theo, Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí bảo hiểm bất kỳ lúc nào với điều kiện số phí đóng mỗi lần không thấp hơn mức tối thiểu do Aviva quy định.

11.4. Bên mua bảo hiểm có quyền, bằng văn bản, yêu cầu thay đổi định kỳ đóng Phí bảo hiểm định kỳ. Định kỳ đóng phí mới và Phí bảo hiểm định kỳ tương ứng được áp dụng kể từ ngày đến hạn đóng phí được Aviva chấp thuận bằng văn bản.

11.5. Khi Hợp đồng không tạm ứng từ Giá trị hoàn lại mà tại một thời điểm nào đó, Giá trị Tài khoản Hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng, để Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực thì Bên mua bảo hiểm phải đóng bổ sung phí bảo hiểm.

11.6. Phí bảo hiểm đóng thêm

Khi Phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm định kỳ của sản phẩm bổ trợ (nếu có) được đóng đầy đủ cho đến hết Năm hợp đồng hiện tại, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu đóng Phí bảo hiểm đóng thêm để gia tăng đầu tư vào Quỹ liên kết chung, với điều kiện Phí bảo hiểm đóng thêm mỗi lần không thấp hơn mức tối thiểu do Aviva quy định và trong mỗi Năm hợp đồng tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không vượt quá 05 lần Phí bảo hiểm cơ bản.

Aviva có quyền đồng ý, từ chối hoặc điều chỉnh mức Phí bảo hiểm đóng thêm tối thiểu và tối đa, phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp từ chối hoặc giới hạn, Aviva sẽ trả lại cho Bên mua bảo hiểm số tiền bị từ chối (không có lãi).

11.7. Phân bổ phí bảo hiểm

11.7.1. Trong mỗi Năm hợp đồng, bất kỳ khoản phí bảo hiểm nào do Bên mua bảo hiểm đóng sẽ được phân bổ theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Phí bảo hiểm định kỳ chưa đóng và Phí bảo hiểm định kỳ đến hạn của Hợp đồng chính và các sản phẩm bổ trợ (nếu có);

b) Phần phí bảo hiểm còn lại (nếu có), căn cứ theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm và sự đồng ý của Aviva, sẽ được phân bổ như Phí bảo hiểm định kỳ và phí bảo hiểm định kỳ của các sản phẩm bổ trợ (nếu có) của các kỳ đóng phí tiếp theo cho đến hết Năm hợp đồng hiện tại;

c) Phần phí bảo hiểm còn lại (nếu có), căn cứ theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm và sự đồng ý của Aviva, sẽ được phân bổ như Phí bảo hiểm đóng thêm cho đến hết Năm hợp đồng hiện tại.

11.7.2. Phí bảo hiểm định kỳ phân bổ cho Năm hợp đồng nào sẽ áp dụng tỷ lệ phí ban đầu của Phí bảo hiểm định kỳ tương ứng với Năm hợp đồng đó. Phí bảo hiểm đóng thêm trong Năm hợp đồng nào sẽ áp dụng tỷ lệ phí ban đầu của Phí bảo hiểm đóng thêm tương ứng với Năm hợp đồng đó.

ĐIỀU 12. GIA HẠN ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM

12.1. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không thể đóng phí bảo hiểm theo đúng thời hạn đã thỏa thuận, việc đóng phí bảo hiểm được gia hạn 60 ngày kể từ ngày xảy ra sớm nhất một trong các sự kiện sau:

12.1.1. Trong 05 (năm) Năm hợp đồng đầu tiên, khi Bên mua bảo hiểm không đóng đủ Phí bảo hiểm định kỳ đến hạn;

12.1.2. Khi Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Khoản nợ (nếu có) không đủ cho Khoản khấu trừ hàng tháng. Thời gian gia hạn đóng phí của sản phẩm bảo trợ (nếu có) là 60 ngày kể từ ngày đầu tiên Bên mua bảo hiểm không đóng Phí bảo hiểm định kỳ đến hạn của sản phẩm bảo trợ.

12.2. Trong thời gian gia hạn đóng phí, Khoản khấu trừ hàng tháng vẫn tiếp tục được trừ từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng hoặc được ghi nợ tại Aviva.

12.3. Nếu Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm cần thiết theo quy định của Aviva trong thời gian gia hạn đóng phí, Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt hiệu lực kể từ ngày bắt đầu thời gian gia hạn đóng phí. Nếu Bên mua bảo hiểm yêu cầu rút hết Giá trị Tài khoản Hợp đồng sau khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực, Bên mua bảo hiểm sẽ phải chịu Phí chấm dứt Hợp đồng tính tại thời điểm Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

ĐIỀU 13. TẠM NGỪNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM

13.1. Kể từ Năm hợp đồng thứ 6 trở đi, nếu Bên mua bảo hiểm không đóng đủ Phí bảo hiểm định kỳ đến hạn mà Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Khoản nợ (nếu có) đủ cho Khoản khấu trừ hàng tháng thì Hợp đồng sẽ tiếp tục duy trì hiệu lực.

Khoản khấu trừ hàng tháng sẽ tiếp tục được trừ từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng.

13.2. Trong thời gian Hợp đồng tạm ngừng đóng phí, Bên mua bảo hiểm không được: tăng Số tiền bảo hiểm, mua thêm sản phẩm bảo trợ, chuyển từ Quyền lợi cơ bản sang Quyền lợi nâng cao, tạm ứng hoặc tạm ứng thêm từ Giá trị hoàn lại.

ĐIỀU 14. TIẾP TỤC ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM SAU KHI TẠM NGỪNG ĐÓNG PHÍ

14.1. Bên mua bảo hiểm có thể tiếp tục đóng Phí bảo hiểm định kỳ sau khi Hợp đồng tạm ngừng đóng phí với điều kiện số phí đóng không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Aviva.

14.2. Số phí đóng sau khi Hợp đồng tạm ngừng đóng phí được phân bổ theo quy định tại Khoản 11.7 Điều 11.

ĐIỀU 15. MIỄN ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG

Trường hợp Hợp đồng chính có sản phẩm bảo trợ và được miễn đóng phí bảo hiểm theo quy định của sản phẩm bảo trợ, Phí bảo hiểm định kỳ phải đóng của Hợp đồng chính kể từ ngày quy định miễn đóng phí có hiệu lực sẽ được miễn.

ĐIỀU 16. CÁC LOẠI PHÍ

16.1. Phí ban đầu

Phí ban đầu là khoản phí mà Aviva được khấu trừ trước khi phân bổ Phí bảo hiểm định kỳ, Phí bảo hiểm đóng thêm vào Quỹ liên kết chung theo tỷ lệ dưới đây:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6+
Tính trên Phí bảo hiểm định kỳ	55%	25%	15%	10%	6%	3%
Tính trên Phí bảo hiểm đóng thêm	10%	8%	6%	4%	3%	3%

16.2. Phí bảo hiểm rủi ro

Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí để bảo đảm chi trả cho các quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo Hợp đồng (không bao gồm các sản phẩm bảo trợ (nếu có)) và được khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng vào ngày phát hành Hợp đồng và Ngày kỷ niệm hợp đồng hàng tháng.

Phí bảo hiểm rủi ro bằng Tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro nhân với Số tiền bảo hiểm rủi ro. Tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro được xác định trên cơ sở giới tính, tuổi, nghề nghiệp, tình trạng sức khỏe và địa bàn sinh sống của

Người được bảo hiểm. Số tiền bảo hiểm rủi ro bằng quyền lợi bảo hiểm tử vong trừ đi Giá trị hoàn lại, xác định tại thời điểm tính Số tiền bảo hiểm rủi ro. Tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro chuẩn có thể được thay đổi với sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Nếu có thay đổi, Bên mua bảo hiểm sẽ được thông báo trước 03 tháng trước ngày Phí bảo hiểm rủi ro thay đổi.

Chi tiết về Tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro chuẩn sẽ được cung cấp theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm.

16.3. Phí quản lý Hợp đồng

Phí quản lý Hợp đồng là khoản phí để duy trì và quản lý Hợp đồng và được khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng vào ngày phát hành Hợp đồng và Ngày kỷ niệm hợp đồng hàng tháng.

Hợp đồng được miễn Phí quản lý Hợp đồng trong Năm hợp đồng đầu tiên. Từ Năm hợp đồng thứ hai trở đi, Phí quản lý Hợp đồng hàng tháng là 20.000 (hai mươi ngàn) đồng. Khoản phí này có thể được Aviva tăng hàng năm do có lạm phát và sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận nhưng không vượt quá 100.000 (một trăm ngàn) đồng mỗi tháng trong mọi trường hợp.

16.4. Phí quản lý Quỹ liên kết chung

Phí quản lý Quỹ liên kết chung là khoản phí dùng để duy trì và quản lý Quỹ liên kết chung và được khấu trừ từ Quỹ liên kết chung.

Phí quản lý Quỹ liên kết chung là 1,5% mỗi năm tính trên giá trị của Quỹ liên kết chung và được khấu trừ trước khi công bố Lãi suất tích lũy.

16.5. Phí chấm dứt Hợp đồng

Phí chấm dứt Hợp đồng được khấu trừ khi Hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn.

Phí chấm dứt Hợp đồng được xác định như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6+
Tính trên Phí bảo hiểm cơ bản	100%	90%	80%	50%	20%	0%

Phí chấm dứt Hợp đồng có thể thay đổi theo quyết định của Aviva dựa trên tình hình kinh tế, thực tế triển khai sản phẩm và sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

16.6. Phí rút tiền

Khi Bên mua bảo hiểm rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng sẽ phải chịu Phí rút tiền. Khoản phí này sẽ được khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng.

Phí rút tiền được tính bằng Phí chấm dứt Hợp đồng nhân với tỷ lệ giữa số tiền rút từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng và Giá trị hoàn lại tại thời điểm rút nhưng không thấp hơn mức tối thiểu do Aviva quy định.

Phí rút tiền tối thiểu là 100.000 đồng mỗi lần rút tiền trong 10 (mười) Năm hợp đồng đầu tiên và không áp dụng trong các Năm hợp đồng tiếp theo. Mức Phí rút tiền tối thiểu có thể được Aviva điều chỉnh do yếu tố lạm phát và sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

16.7. Ngoài các loại phí trên, Aviva có quyền bổ sung các loại phí, chi phí khác nếu được Bộ Tài chính chấp thuận.

CHƯƠNG V:

THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 17. THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ, TÊN, GIẤY TỜ TÙY THÂN, NGHỀ NGHIỆP VÀ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM RA NƯỚC NGOÀI

17.1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có sự thay đổi về địa chỉ liên hệ hoặc nơi cư trú, tên, giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy khai sinh) của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc Người thụ hưởng hay có sự thay đổi nghề nghiệp của Người được bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ thông báo cho Aviva bằng văn bản về sự thay đổi này.

17.2. Trường hợp có sự thay đổi nghề nghiệp của Người được bảo hiểm, Aviva có quyền quyết định tiếp tục bảo hiểm với Tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro không đổi, tăng Tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro hoặc chấm dứt Hợp đồng và trả cho Bên mua bảo hiểm Giá trị hoàn lại (nếu có).

17.3. Trường hợp Người được bảo hiểm ra nước ngoài

17.3.1. Nếu Người được bảo hiểm chuyển sang định cư/cư trú ở nước ngoài trên 03 tháng, Aviva sẽ chấm dứt Hợp đồng và trả cho Bên mua bảo hiểm. Giá trị hoàn lại (nếu có).

17.3.2. Nếu Người được bảo hiểm cư trú ở nước ngoài từ 03 tháng trở xuống, trong thời gian đó, Aviva chỉ bảo hiểm cho sự kiện Người được bảo hiểm tử vong ngoài lãnh thổ Việt Nam như sau:

- Nếu rủi ro do tai nạn: trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Khoản 6.2 và Khoản 6.3 Điều 6.

- Nếu rủi ro do các nguyên nhân khác: trả số tiền lớn hơn giữa:

+ Giá trị hoàn lại trừ đi Khoản nợ (nếu có); và

+ Tổng số phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi) của Hợp đồng chính trừ đi tất cả các khoản rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng, Phí rút tiền, Khoản nợ và Chi phí kiểm tra sức khỏe (nếu có).

ĐIỀU 18. THAY ĐỔI BÊN MUA BẢO HIỂM

18.1. Trường hợp Bên mua bảo hiểm (không đồng thời là Người được bảo hiểm) tử vong trong thời hạn hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm đáp ứng điều kiện nêu tại Khoản 1.5 Điều 1 (trừ quy định về kê khai, ký tên trên Giấy yêu cầu bảo hiểm) có quyền thừa kế toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm theo Hợp đồng và trở thành Bên mua bảo hiểm mới của Hợp đồng nếu có yêu cầu bằng văn bản trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm tử vong.

Nếu Bên mua bảo hiểm có nhiều người thừa kế hợp pháp, những người thừa kế hợp pháp này cần cử một đại diện để trở thành Bên mua bảo hiểm mới.

Việc trở thành Bên mua bảo hiểm mới chỉ có hiệu lực khi được Aviva chấp thuận bằng văn bản.

18.2. Trường hợp người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm không đủ điều kiện hoặc không yêu cầu trở thành Bên mua bảo hiểm mới theo quy định tại Điều 18.1, Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm Bên mua bảo hiểm tử vong. Giá trị hoàn lại của Hợp đồng (nếu có) sẽ được trả cho những Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm.

Trường hợp Bên mua bảo hiểm là tổ chức chấm dứt hoạt động theo các quy định của pháp luật trong thời hạn hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực mà không có tổ chức khác hoặc cá nhân có đủ điều kiện nêu tại Khoản 1.5 Điều 1 (trừ quy định về kê khai, ký tên trên Giấy yêu cầu bảo hiểm) và các quy định khác của pháp luật để kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm thì Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực và Aviva sẽ trả Giá trị hoàn lại của Hợp đồng (nếu có) kể từ thời điểm Bên mua bảo hiểm chấm dứt hoạt động cho Người được bảo hiểm.

18.3 Chuyển nhượng Hợp đồng

Trong thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chuyển nhượng Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Aviva với điều kiện Bên nhận chuyển nhượng phải đáp ứng điều kiện nêu tại Khoản 1.5 Điều 1 (trừ quy định về kê khai, ký tên trên Giấy yêu cầu bảo hiểm) của Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này và tuân thủ các quy định của pháp luật về chuyển nhượng hợp đồng. Việc chuyển nhượng chỉ có hiệu lực khi Aviva thông báo chấp thuận bằng văn bản. Aviva sẽ không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của việc chuyển nhượng giữa Bên mua bảo hiểm và Bên nhận chuyển nhượng.

Sau khi việc chuyển nhượng có hiệu lực, Bên nhận chuyển nhượng sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng, có toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan đến Hợp đồng. Việc chỉ định Người thụ hưởng do Bên mua bảo hiểm thực hiện ban đầu sẽ tự động bị hủy bỏ.

ĐIỀU 19. THAY ĐỔI NGƯỜI THỤ HƯỞNG, TỶ LỆ THỤ HƯỞNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, nếu muốn thay đổi Người thụ hưởng hoặc thay đổi tỷ lệ thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi) phải thông báo bằng văn bản cho Aviva. Việc thay đổi Người thụ hưởng hoặc thay đổi tỷ lệ thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm có hiệu lực kể từ thời điểm Aviva chấp thuận yêu cầu thay đổi bằng văn bản.

ĐIỀU 20. THAY ĐỔI SỐ TIỀN BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TỬ VONG

20.1. Khi Hợp đồng đã có hiệu lực từ đủ 01 (một) năm trở lên và đang có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu: tăng hoặc giảm Số tiền bảo hiểm trong giới hạn quy định của Aviva, chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm tử vong từ Quyền lợi cơ bản sang Quyền lợi nâng cao và ngược lại phù hợp với các quy định của Aviva.

Các yêu cầu: tăng Số tiền bảo hiểm, chuyển đổi từ Quyền lợi cơ bản sang Quyền lợi nâng cao chỉ áp dụng cho trường hợp Hợp đồng không tạm ngừng đóng phí, Người được bảo hiểm dưới 66 (sáu mươi sáu) tuổi tại thời điểm thay đổi có hiệu lực và đáp ứng đầy đủ yêu cầu đánh giá rủi ro của Aviva.

20.2. Trường hợp Aviva chấp thuận các yêu cầu thay đổi bằng văn bản, Số tiền bảo hiểm mới và/hoặc quyền lợi bảo hiểm tử vong mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày Aviva chấp thuận thay đổi. Phí bảo hiểm cơ bản sẽ không thay đổi; Phí bảo hiểm rủi ro, quyền lợi bảo hiểm và các điều kiện khác có liên quan của Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

20.3. Bên mua bảo hiểm phải chịu các chi phí phát sinh liên quan tới yêu cầu nêu tại Khoản 20.1, bao gồm cả Chi phí kiểm tra sức khỏe (nếu có) và không được hoàn trả bất kỳ khoản tiền nào khi thực hiện các thay đổi này.

ĐIỀU 21. NHẬN TẠM ỨNG TỪ GIÁ TRỊ HOÀN LẠI

21.1. Khi Hợp đồng có hiệu lực từ đủ 02 (hai) năm trở lên và không tạm ngừng đóng phí, nếu Giá trị hoàn lại của Hợp đồng sau khi trừ đi Khoản nợ lớn hơn 0, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu nhận tạm ứng một số tiền không quá 80% Giá trị hoàn lại và theo quy định của Aviva. Aviva sẽ tính Khoản giảm thu nhập đầu tư tương ứng với số tiền tạm ứng này. Tuy nhiên, việc tạm ứng từ Giá trị hoàn lại không ảnh hưởng tới việc tính toán Giá trị Tài khoản Hợp đồng theo quy định tại Điều 9.

21.2. Bên mua bảo hiểm có thể hoàn trả cho Aviva số tiền tạm ứng và Khoản giảm thu nhập đầu tư vào bất cứ lúc nào trong thời gian Hợp đồng đang còn hiệu lực.

21.3. Nếu Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Khoản nợ nhỏ hơn hoặc bằng 0, Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt hiệu lực. Trong trường hợp này, Bên mua bảo hiểm không được nhận lại phí bảo hiểm đã đóng, Giá trị hoàn lại hay Giá trị Tài khoản Hợp đồng.

ĐIỀU 22. RÚT TIỀN TỪ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

22.1. Khi Hợp đồng có hiệu lực từ đủ 02 (hai) năm trở lên và Hợp đồng có Giá trị hoàn lại, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng với điều kiện:

- Số tiền rút mỗi lần không thấp hơn mức tối thiểu do Aviva quy định;
- Sau khi rút, Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Khoản nợ (nếu có) không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Aviva trong từng thời kỳ.

22.2. Nếu tại thời điểm rút, Quyền lợi bảo hiểm tử vong là Quyền lợi cơ bản và Giá trị Tài khoản Hợp đồng sau khi rút nhỏ hơn Số tiền bảo hiểm thì Số tiền bảo hiểm của Hợp

đồng sẽ được điều chỉnh giảm một khoản bằng khoản rút nhưng Số tiền bảo hiểm sau khi điều chỉnh không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Aviva.

22.3. Aviva có quyền từ chối, hạn chế hoặc trì hoãn việc cho phép rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng.

ĐIỀU 23. THÔNG BÁO SAI VỀ TUỔI VÀ/HOẶC GIỚI TÍNH CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

23.1. Thông báo sai tuổi của Người được bảo hiểm

23.1.1. Nếu theo tuổi đúng Người được bảo hiểm vẫn được chấp nhận bảo hiểm, Phí bảo hiểm rủi ro sẽ được điều chỉnh dựa trên tuổi đúng kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng hàng tháng tiếp theo. Tùy theo quyết định của mình, Aviva có quyền điều chỉnh Phí bảo hiểm rủi ro, Giá trị Tài khoản Hợp đồng cho khoảng thời gian Hợp đồng đã có hiệu lực và thời hạn bảo hiểm nếu cần thiết.

23.1.2. Nếu theo tuổi đúng Người được bảo hiểm không được chấp nhận bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm sẽ bị huỷ bỏ và Bên mua bảo hiểm sẽ được nhận giá trị cao hơn giữa:

- 100% phí bảo hiểm đã đóng của Hợp đồng chính (không có lãi) trừ đi các khoản rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng và Phí rút tiền, Khoản nợ và Chi phí kiểm tra sức khỏe (nếu có); và
- Giá trị hoàn lại tính tại ngày huỷ bỏ Hợp đồng trừ đi Khoản nợ (nếu có).

23.2. Trường hợp thông báo sai giới tính của Người được bảo hiểm, quy định tại Khoản 23.1 sẽ được áp dụng tương tự.

CHƯƠNG VI: CHẤM DỨT VÀ KHÔI PHỤC HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 24. THỜI GIAN CẦN NHẮC

Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm bằng cách thông báo bằng văn bản cho Aviva. Hợp đồng sẽ bị huỷ và Bên mua bảo hiểm được hoàn lại 100% số phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi) trừ đi Chi phí kiểm tra sức khỏe (nếu có).

ĐIỀU 25. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRƯỚC THỜI HẠN

Trong thời hạn bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm có quyền gửi văn bản yêu cầu chấm dứt Hợp đồng và nhận Giá trị hoàn lại (nếu có) xác định tại thời điểm Hợp đồng bị chấm dứt. Hợp đồng chấm dứt hiệu lực vào ngày Aviva nhận được văn bản yêu cầu chấm dứt Hợp đồng của Bên mua bảo hiểm.

ĐIỀU 26. KHÔI PHỤC HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

26.1. Trường hợp Hợp đồng chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Khoản 12.3 Điều 12, Khoản 21.3 Điều 21 hoặc Điều 25 và Giá trị hoàn lại (nếu có) chưa được thanh toán, Bên mua bảo hiểm có quyền gửi văn bản yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực gần nhất và trước ngày Hợp đồng đáo hạn. Hợp đồng sẽ được khôi phục hiệu lực nếu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Hợp đồng đáp ứng đầy đủ các điều kiện để Aviva chấp nhận khôi phục. Bên mua bảo hiểm phải chịu các chi phí phát sinh liên quan tới việc thực hiện khôi phục hiệu lực Hợp đồng.

26.2. Trường hợp được chấp nhận, Hợp đồng sẽ được khôi phục kể từ ngày Aviva thông báo bằng văn bản việc chấp nhận khôi phục hiệu lực Hợp đồng. Aviva không phải chịu trách nhiệm bảo hiểm đối với các rủi ro xảy ra với Người được bảo hiểm trước ngày Hợp đồng được chấp nhận khôi phục hiệu lực.

CHƯƠNG VII: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

ĐIỀU 27. THÔNG BÁO RỦI RO

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Người được bảo hiểm tử vong, Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải thông báo cho Aviva bằng văn bản theo mẫu của Aviva để được hướng dẫn thủ tục yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn thông báo rủi ro.

ĐIỀU 28. THỜI HẠN YÊU CẦU GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Trong vòng 12 tháng kể từ ngày Người được bảo hiểm tử vong hoặc Hợp đồng đáo hạn, Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm, bằng chi phí của mình, phải lập hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm và gửi tới Aviva. Quá thời hạn 12 tháng nêu trên, mọi yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đều không có giá trị.

Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

ĐIỀU 29. HỒ SƠ YÊU CẦU GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BAO GỒM:

- Phiếu yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm;
- Bản gốc Hợp đồng và các sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp thất lạc, người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải thông báo cho Aviva để được hướng dẫn giải quyết;
- Bản sao có chứng thực Giấy chứng tử (trường hợp tử vong);
- Bản sao có chứng thực giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền được nhận quyền lợi bảo hiểm;

và bản gốc hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ sau:

- Biên bản về tai nạn của cơ quan có thẩm quyền (trường hợp tai nạn);
- Giấy tờ y tế: Tóm tắt bệnh án, Giấy ra viện, Giấy chứng nhận phẫu thuật, Đơn thuốc, Sổ Y bạ... (trường hợp tử vong mà trước đó Người được bảo hiểm có điều trị y tế, nằm viện, phẫu thuật).

ĐIỀU 30. GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

30.1. Theo các mức thứ tự ưu tiên sau đây, Aviva sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm cho:

- Bên mua bảo hiểm (cá nhân);
- Người thụ hưởng. Trường hợp có hơn một Người thụ hưởng và một hoặc một số Người thụ hưởng có hành vi cố ý, hành vi phạm tội gây tử vong cho Người được bảo hiểm thì Aviva sẽ không thanh toán quyền lợi bảo hiểm cho (những) Người thụ hưởng đó mà sẽ chỉ thanh toán quyền lợi bảo hiểm cho những Người thụ hưởng khác theo tỉ lệ tương ứng đã được Bên mua bảo hiểm chỉ định. Trường hợp có hơn một Người thụ hưởng được nhận quyền lợi bảo hiểm, nếu bất kỳ Người thụ hưởng nào tử vong trước hoặc cùng thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm, phần quyền lợi bảo hiểm của người đó (nếu có) sẽ được chia đều cho những Người thụ hưởng còn lại.
- Bên mua bảo hiểm (tổ chức);
- Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm.

Nếu tất cả đối tượng của mức được nhận quyền lợi bảo hiểm không còn sống/tồn tại tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm, quyền lợi bảo hiểm sẽ được trả cho mức tiếp theo trong thứ tự ưu tiên nêu trên. Nếu người/tổ chức đã

được xác định hưởng quyền lợi bảo hiểm nhưng không còn sống/tồn tại vào thời điểm quyền lợi bảo hiểm được trả, phần quyền lợi bảo hiểm trả cho người/tổ chức đó sẽ được giải quyết theo các quy định của pháp luật về thừa kế.

30.2. Aviva được quyền kiểm tra, xác minh về rủi ro và hậu quả của rủi ro cũng như yêu cầu cung cấp thêm các bằng chứng, giấy tờ cần thiết khác chưa được quy định tại Điều 29 để phục vụ cho việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Chi phí phát sinh liên quan đến việc giám định xác minh và chi phí hợp lý liên quan tới việc cung cấp thêm các bằng chứng, giấy tờ sẽ do Aviva chịu.

30.3. Aviva có trách nhiệm giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 29. Quá thời hạn này, nếu chưa giải quyết quyền lợi bảo hiểm (trừ trường hợp không do lỗi của Aviva), Aviva phải trả thêm khoản lãi trên số tiền phải thanh toán theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tương đương với thời gian quá hạn do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam quy định tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm, Aviva sẽ nêu rõ lý do từ chối.

Người nhận quyền lợi bảo hiểm và các khoản chi trả theo Hợp đồng có trách nhiệm đóng các khoản thuế (nếu có) liên quan đến việc đóng phí bảo hiểm và nhận các khoản chi trả theo quy định của pháp luật. Tùy theo quy định của pháp luật tại thời điểm chi trả, Aviva có quyền thực hiện khấu trừ và thay mặt người nhận quyền lợi bảo hiểm đóng thuế theo quy định của pháp luật.

30.4. Trường hợp có một vụ án được khởi tố liên quan đến rủi ro của Người được bảo hiểm, Aviva chỉ xem xét giải quyết quyền lợi bảo hiểm sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án hoặc quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 31. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

31.1. Hợp đồng bảo hiểm này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

31.2. Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm này, nếu không giải quyết được bằng thương lượng, một

trong các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền ở Việt Nam.

Thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp./.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Aviva Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 13, tòa nhà Mipec Tower, số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội

Chi nhánh: Tầng 8, Tòa nhà Maple Tree, 1060 Nguyễn Văn Linh, Quận 7, HCM

Tel: (84) 24 3771 5577 | Fax: (84) 24 3724 6446 | Hotline: (84) 24 3771 6699

Email: wecare@aviva.com.vn | Website: www.aviva.com.vn | Facebook: www.facebook.vn/avivavietnam